

**TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 38 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|------------------------|--------------|--|
| Ông Nguyễn Sinh Khang | Chủ tịch | (bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2012, miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Minh Trực | Chủ tịch | (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Đặng Minh Phong | Phó Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Thành viên | (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Duyên Cường | Thành viên | (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Hồ Quyết Thắng | Thành viên | (bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Đặng Minh Khôi | Thành viên | |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|------------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Duyên Cường | Tổng Giám đốc | (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Lê Xuân Trinh | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2012, miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Trương Mạnh Thắng | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Mạnh Thảo | Phó Tổng Giám đốc | (miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2012) |
| Ông Đỗ Hoàng Phúc | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Ngọc Trung | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Trịnh Hải | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013) |
| Ông Hạng Anh Minh | Phó Tổng Giám đốc | (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013) |
| Ông Nguyễn Quý Nhân | Phó Tổng Giám đốc | |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Số: 0493 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 38. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau :

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 do Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần chưa có biên bản xác định phần vốn nhà nước tại ngày này. Ngoài ra, như trình bày tại Thuyết minh số 26, vốn chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ghi nhận giá trị tương ứng với giá trị tài sản cố định đánh giá lại là 38.194.089.398 đồng của Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái. Tuy nhiên, tài sản này thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ tư lệnh Hải quân theo hợp đồng liên doanh số 56/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty, Bộ Tư Lệnh Hải quân và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa thống nhất hướng xử lý khoản chênh lệch tăng thêm này.

011250
CHI NH
CÔNG
CH NHIỆM
DELOITTE
VIỆT N
- TP. H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại thuyết minh số 29 và số 30, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính liên quan đến vấn đề Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán đối với số lượng hàng xuất cho vay và xuất trả vay trong năm với cùng giá trị là 101.386.857.144 đồng. Việc ghi nhận này làm cho doanh thu và giá vốn cao hơn thực tế một khoản tương ứng do ảnh hưởng từ việc qui định phải phát hành hóa đơn đối với lượng hàng cho vay, mượn theo thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008.




Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

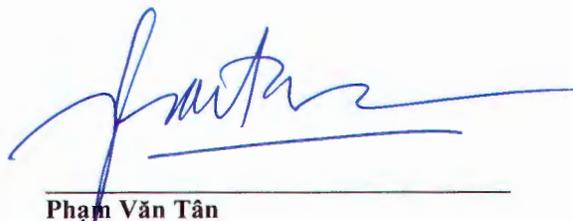
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Phạm Văn Tân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 4.568.087.381.315 | 5.848.868.894.185 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 297.846.222.741 | 916.682.563.586 |
| 1. Tiền | 111 | | 261.246.222.741 | 862.882.563.586 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 36.600.000.000 | 53.800.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 5.564.166.667 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | 5.564.166.667 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.091.112.745.377 | 3.460.329.252.285 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 6 | 2.141.046.841.156 | 3.172.424.496.687 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 7 | 55.092.062.439 | 79.554.366.315 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | 61.864.869 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 135 | 8 | 218.029.174.797 | 212.900.734.393 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 6 | (323.055.333.015) | (4.612.209.979) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 1.970.893.692.496 | 1.107.604.867.145 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.970.893.692.496 | 1.107.604.867.145 |
| <i>Trong đó: hàng dự trữ quốc gia</i> | | | <i>159.730.439.160</i> | <i>159.943.667.574</i> |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 208.234.720.701 | 358.688.044.502 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.657.051.146 | 2.492.045.231 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 205.277.653.189 | 351.376.696.871 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 119.805.610 | 2.021.423.946 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.180.210.756 | 2.797.878.454 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270) | 200 | | 1.493.039.948.835 | 1.564.925.997.553 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.410.701.716 | 9.351.182.872 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 592.557.508 | 3.754.818.476 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 218 | | 9.319.984.208 | 6.501.840.000 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (6.501.840.000) | (905.475.604) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 900.890.419.496 | 928.188.157.380 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 516.859.396.639 | 567.333.860.417 |
| - Nguyên giá | 222 | | 752.645.347.515 | 754.338.746.008 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (235.785.950.876) | (187.004.885.591) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 285.023.264.401 | 257.226.009.489 |
| - Nguyên giá | 228 | | 285.527.275.109 | 257.622.813.680 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (504.010.708) | (396.804.191) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 99.007.758.456 | 103.628.287.474 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 13 | 4.968.978.341 | 5.930.759.977 |
| - Nguyên giá | 241 | | 8.756.779.923 | 8.756.779.923 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | (3.787.801.582) | (2.826.019.946) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 270.875.954.453 | 299.527.652.946 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 15 | 105.752.846.414 | 105.398.532.271 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 16 | 193.535.351.137 | 215.301.320.675 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 16 | (28.412.243.098) | (21.172.200.000) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 298.902.534.556 | 306.111.098.653 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 17 | 298.902.534.556 | 305.950.398.815 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 160.699.838 |
| VI. Lợi thế thương mại | 270 | 18 | 13.991.360.273 | 15.817.145.725 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200) | 280 | | 6.061.127.330.150 | 7.413.794.891.738 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 12.450.381.947 VND (kỳ hoạt động từ ngày 18/5/2011 đến ngày 31/12/2011: 42.050.232.199 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.



Trịnh Thanh Toàn
Người lập biểu



Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2013



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 | |
|--|-------|-------------|-----------------------------|--------------------|
| | | | 2012 | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 29 | 22.861.371.050.198 | 18.460.923.751.452 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 29 | 688.598.501.809 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 29 | 22.172.772.548.389 | 18.460.923.751.452 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 30 | 22.038.980.470.448 | 18.163.564.351.843 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 133.792.077.941 | 297.359.399.609 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 32 | 82.301.026.412 | 37.926.915.683 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 33 | 344.624.409.885 | 183.680.842.404 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 303.641.646.979 | 120.234.498.373 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 304.299.450.995 | 165.979.039.755 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 465.730.244.354 | 90.447.610.656 |
| 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | (898.561.000.881) | (104.821.177.523) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 23.847.342.749 | 4.489.997.955 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 3.376.260.902 | 6.203.405.764 |
| 13. Lãi/(lỗ) khác (40=31-32) | 40 | 34 | 20.471.081.847 | (1.713.407.809) |
| 14. Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết | 45 | 15 | 2.159.886.338 | (1.857.477.631) |
| 15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45) | 50 | | (875.930.032.696) | (108.392.062.963) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 35 | 2.546.084.904 | 192.246.661 |
| 17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | (160.699.838) |
| 18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (878.476.117.600) | (108.423.609.786) |
| 18.1. Lỗ sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | 28 | (7.133.090.205) | (3.459.352.293) |
| 18.2. Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | (871.343.027.395) | (104.964.257.493) |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 36 | (3.501) | (448) |


Trịnh Thanh Toàn
Người lập biểu

Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

112500-
HI NHÀ
CÔNG T
H NHIỆM
E LOIT
IỆT N
- TP. HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|--|--------------|----------------------------|--|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lỗ trước thuế | 01 | (875.930.032.696) | (108.392.062.963) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 52.170.058.385 | 25.265.846.195 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 318.443.123.036 | 26.689.885.583 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | 25.949.423.754 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (67.261.293.609) | (8.282.944.929) |
| Chi phí lãi vay | 06 | (303.641.646.979) | 120.234.498.373 |
| 3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (876.219.791.863) | 81.464.646.013 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | 1.203.750.402.643 | (733.573.321.169) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (863.341.353.927) | 246.362.529.734 |
| Biến động các khoản phải trả | 11 | (1.738.296.718.680) | (457.059.567.887) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 42.652.826.220 | 14.768.330.246 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | 296.503.741.330 | (120.234.498.373) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (5.752.896.298) | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 10.039.463.677 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (3.641.432.982) | (2.797.878.454) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (1.944.345.223.557) | (961.030.296.213) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (95.218.624.060) | (228.208.913.209) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn | 22 | 1.859.049.804 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (95.916.280.189) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 64.803.446.856 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (8.812.900.000) | (5.564.166.667) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 35.264.166.667 | 53.081.412.761 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 67.853.681.847 | 13.651.996.983 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (30.167.459.075) | (167.039.670.132) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông | 31 | - | 387.984.931.288 |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 14.488.602.298.511 | 7.195.339.088.072 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (13.125.311.686.531) | (5.529.623.177.299) |
| 4. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (7.784.386.460) | (8.948.312.130) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 1.355.506.225.520 | 2.044.752.529.931 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm/giai đoạn | 50 | (619.006.457.112) | 916.682.563.586 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm/giai đoạn | 60 | 916.682.563.586 | - |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 170.116.267 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm/giai đoạn | 70 | 297.846.222.741 | 916.682.563.586 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 4.466.989.254.395 | 4.941.862.065.473 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.433.179.533.645 | 4.707.663.020.758 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 19 | 3.256.475.162.000 | 1.904.551.942.884 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 20 | 1.030.102.927.416 | 2.597.683.635.601 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 2.153.100.120 | 3.560.687.796 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 21 | 52.269.864.734 | 145.046.825.939 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 22.993.555.850 | 17.302.183.595 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 22 | 10.491.582.962 | - |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 23 | 53.958.539.279 | 29.478.281.266 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 4.734.801.284 | 10.039.463.677 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 33.809.720.750 | 234.199.044.715 |
| 1. Phải trả dài hạn khác (quỹ dự trữ quốc gia) | 333 | 24 | 159.730.439.160 | 159.943.667.574 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | | 1.174.540.000 | - |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 341.810.003 |
| 4. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | 1.832.291.508 |
| 5. Quỹ bình ổn xăng dầu | 340 | 25 | (127.095.258.410) | 72.081.275.630 |
| B. NGUỒN VỐN (400 = 410) | 400 | | 1.546.102.192.209 | 2.410.172.459.755 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 26 | 1.546.102.192.209 | 2.410.172.459.755 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 2.488.774.701.456 | 2.488.774.701.456 |
| 2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | (10.726.220.491) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 14.025.078.904 | 11.254.219.853 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 3.403.946.862 | 2.942.494.004 |
| 5. Lỗ lũy kế | 420 | | (960.101.535.013) | (82.072.735.067) |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 500 | 28 | 48.035.883.546 | 61.760.366.510 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500) | 600 | | 6.061.127.330.150 | 7.413.794.891.738 |

| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-------------|----------------|-----------------|
| | | | |
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) | | 77.103.603.640 | 349.746.780.288 |
| 2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | | 1.608.973.500 | 1.540.999.000 |
| 3. Ngoại tệ các loại | | | |
| USD | | 1.479.266 | 1.139.045 |
| EUR | | 69.589 | 59.578 |
| SGD | | 732 | 754 |

Trịnh Thanh Toàn

Trịnh Thanh Toàn
Người lập biểu

Huỳnh Đức Trường

Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa
Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 VND vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 VND. Công ty được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và giấy Chứng nhận điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định thời điểm chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec trước đây sang công ty cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Tại 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Cà phê Petec (sau đây gọi tắt là “Cà phê Petec”)
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec (sau đây gọi tắt là “Petromat”)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec (sau đây gọi tắt là “Cisco”)
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu (sau đây gọi tắt là “Petec Land”) (sở hữu gián tiếp)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “An Pha Vĩnh Long”)

Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 671 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 631 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh xăng dầu (bao gồm xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ khác); xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); Các hoạt động liên doanh, liên kết về kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (gọi tắt là “công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty con nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty con này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

500-0

NHÀN
NG T
HIỆM H
LOIT
T NA
TP. HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/(lỗ) do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng hoá và chi phí thu mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ giá trị sổ sách của hàng tồn kho cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Năm</u> |
|--------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5-15 |
| Máy móc, thiết bị | 6-15 |
| Phương tiện vận tải | 3-15 |
| Thiết bị văn phòng | 3-15 |
| Tài sản cố định khác | 25 |

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trong khi quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hay là đầu tư góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn vào tổ chức kinh tế khác và các khoản đầu tư dài hạn khác được lập theo các quy định hiện hành nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí trả trước dài hạn khác là tiền thuê đất dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; chi phí san lấp mặt bằng xí nghiệp xăng dầu, chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

SỐ T
CH
C
Đ
VI
- T

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lỗ lũy kế được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 10.726.220.491 VND và lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 10.726.220.491 VND và số dư khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng 0. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2500

NH
NG
HIỆM
OIT
N

H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá (BOG) xăng dầu được Công ty trích và sử dụng căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Tài chính cho lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ, cụ thể như sau:

Thực hiện theo quy định tại thông tư 234 /2009/TT-BTC “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu” và

- Thông báo số 411/TB-BTC ngày 26/12/2011;
- Thông báo số 50/TB-BTC ngày 19/01/2012;
- Thông báo số 143/TB-BTC ngày 07/03/2012;
- Thông báo số 190/TB-BTC ngày 20/04/2012,
- Thông báo số 10870/BTC-QLG QLG ngày 13/08/201 và thông báo 11022/BTC-QLG ngày 16/08/2012;
- Thông báo số 11534/BTC-QLG ngày 28/08/2012;
- Thông báo số 12287/BTC-QLG ngày 11/09/2012;
- Thông báo số 14418/BTC-QLG ngày 22/10/2012;
- Thông báo số 14915/BTC-QLG ngày 30/10/2012;
- Thông báo số 15448/BTC-QLG ngày 06/11/2012;
- Thông báo số 15647/BTC-QLG ngày 11/11/2012 về việc điều hành giá và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong đó, số trích được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán và số sử dụng được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

-002
ANH
TY
HỮU H
TE
M
CH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 5.519.632.979 | 5.026.246.065 |
| Tiền gửi ngân hàng | 255.726.589.762 | 857.856.317.521 |
| Các khoản tương đương tiền | 36.600.000.000 | 53.800.000.000 |
| | <u>297.846.222.741</u> | <u>916.682.563.586</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn dưới ba tháng. Khoản ký gửi ngắn hạn này hưởng lãi suất 9%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | - | 98.109.521.000 |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 47.782.978.817 | 61.084.317.653 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam | 112.699.298.311 | 72.708.298.311 |
| Công ty Cổ phần TM DV Xây dựng Đình Vũ | - | 32.282.824.073 |
| Công ty Cổ phần Kho vận PETEC | - | 60.110.866.184 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Hồng Quốc Lộc | 133.797.116.700 | 130.525.096.634 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam | - | 117.360.358.947 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cẩm Giàng | - | 33.125.667.161 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Vận tải Thành Phát | - | 17.411.797.399 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm | 77.865.356.829 | 88.404.078.629 |
| Công ty Cổ phần TM Dầu Khí Vũ Anh | 59.044.121.001 | 98.356.352.819 |
| Công ty Cổ phần Song Phát | - | 30.779.673.583 |
| Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong | 124.251.939.885 | 105.169.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc | 124.164.578.894 | 4.502.749.700 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông | 87.946.610.123 | - |
| DNTN Thương mại Hiệp Phú | 43.461.740.700 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Nhiên liệu HDSG | 158.327.885.400 | - |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí Sài Gòn | 315.400.848.479 | - |
| Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp | 104.631.417.943 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn | 21.782.430.483 | - |
| Tong Teik Pte Ltd - Coffee | 15.872.766.746 | - |
| Công ty TNHH SX&TM XNK Tân Đình Phong | 12.839.699.605 | - |
| Khách hàng khác | 701.178.051.240 | 2.222.493.894.594 |
| | <u>2.141.046.841.156</u> | <u>3.172.424.496.687</u> |
| Dự phòng phải thu khó đòi | <u>(323.055.333.015)</u> | <u>(4.612.209.979)</u> |
| | <u>1.817.991.508.141</u> | <u>3.167.812.286.708</u> |

Trong tổng nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty, có một số khoản nợ liên quan đến nhóm khách hàng tại các tỉnh Miền Bắc (*) đang được cơ quan hữu quan điều tra có tổng dư nợ là 493.283.347.098 VND. Các tài sản tịch biên từ chủ sở hữu các công ty này chưa được bên cơ quan điều tra công bố nên Công ty chưa có cơ sở chắc chắn về khả năng có thể thu hồi toàn bộ số dư nợ này. Do đó, để đảm bảo rủi ro về mặt tài chính có thể xảy ra liên quan đến nhóm công nợ này và các công nợ khác đang được Công ty lập hồ sơ khởi kiện, Công ty đã căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và ước tính về khả năng thu hồi của các khoản nợ này để trích lập dự phòng với tỷ lệ là 50% giá trị công nợ cụ thể trừ tài sản đảm bảo và công nợ đã thu hồi được từ ngày

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

01/01/2013 đến 04/02/2013. Ban Tổng Giám đốc cũng tin rằng các khoản dự phòng được ghi nhận trên báo cáo tài chính đủ để ghi giảm giá trị của các tài sản này xuống giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt | - | 11.272.300.000 |
| DNTN XD Liên Tân | - | 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (MACHINO) | - | 1.166.545.000 |
| CHXD Quang Trung 3 - Ninh Thuận | 7.483.475.000 | - |
| Công ty Cổ phần LICOGI 16.5 | 17.098.208.291 | - |
| Công ty TNHH TM-DV Dầu khí Anh Thúy | 7.497.031.492 | - |
| Công ty cổ phần TMDV Xăng dầu Đình Vũ | 5.451.269.220 | - |
| Nhà cung cấp khác | 17.562.078.436 | 65.115.521.315 |
| | <u>55.092.062.439</u> | <u>79.554.366.315</u> |

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải thu Tập đoàn dầu khí Việt Nam | 172.650.526.381 | 172.650.526.381 |
| Thu hoàn thuế tái xuất xăng dầu | - | 16.204.817.873 |
| Đền bù giải tỏa kho Thốt Nốt | 14.316.720.120 | 14.337.441.115 |
| S.D.M SCARL (BERTOLINI SPA) | - | 1.358.229.600 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 23.715.495.759 | 4.444.381.504 |
| Phải thu khác | 7.346.432.537 | 3.905.337.920 |
| | <u>218.029.174.797</u> | <u>212.900.734.393</u> |

Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện:

- (1) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 VND theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên (MTV) sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết toán liên quan đến vốn đầu tư (với tư cách chủ sở hữu).
- (2) Khoản lợi nhuận từ hoạt động của Xí nghiệp Xăng Dầu Cát Lái phải chia cho Bộ tư lệnh Hải quân với số tiền 2.367.013.022 VND tương ứng với phần chi phí khấu hao tăng sau khi đánh giá lại tài sản tại Xí nghiệp Cát Lái thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải quân khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Khoản tiền này có thể thay đổi sau khi Bộ tư lệnh Hải quân và Công ty thống nhất với giá trị đánh giá lại này.
- (3) Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 498.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. HÀNG TỒN KHO**

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.618.418.203 | 6.932.837.862 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.199.208.512 | 2.459.981.868 |
| Thành phẩm | 4.282.187.363 | 3.303.194.279 |
| Hàng hoá | 1.955.110.017.901 | 1.082.527.537.484 |
| <i>Trong đó: hàng dự trữ quốc gia</i> | <i>159.730.439.160</i> | <i>159.943.667.574</i> |
| Hàng gửi đi bán | 6.683.860.517 | 12.381.315.652 |
| Cộng | <u>1.970.893.692.496</u> | <u>1.107.604.867.145</u> |
| Hàng dự trữ Quốc gia | | |

Giá trị hàng dự trữ quốc gia là hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tài sản cố định khác VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 | 616.595.155.298 | 33.540.692.500 | 63.576.701.926 | 4.701.541.271 | 35.924.655.013 | 754.338.746.008 |
| Mua trong năm | 15.380.203.945 | 1.997.470.817 | 8.829.228.619 | 2.111.128.310 | - | 28.318.031.691 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.993.788.126 | 5.738.149.840 | 4.074.813.428 | 130.759.026 | - | 15.937.510.420 |
| Thanh lý, nhượng bán | (845.599.348) | (473.461.001) | (2.557.972.727) | (15.749.000) | - | (3.892.782.076) |
| Điều chỉnh khác | (38.211.406.866) | - | - | 41.844.000 | (3.886.595.662) | (42.056.158.528) |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>598.912.141.155</u> | <u>40.802.852.156</u> | <u>73.922.771.246</u> | <u>6.969.523.607</u> | <u>32.038.059.351</u> | <u>752.645.347.515</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 | 120.405.223.465 | 21.746.105.975 | 42.374.553.495 | 1.666.682.941 | 812.319.715 | 187.004.885.591 |
| Khấu hao trong năm | 38.725.761.826 | 3.846.888.725 | 7.050.981.684 | 1.465.357.881 | 63.721.710 | 51.152.711.826 |
| Thanh lý, nhượng bán | (736.681.713) | (430.081.508) | (1.183.665.534) | (15.749.000) | (5.468.786) | (2.371.646.541) |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>158.394.303.578</u> | <u>25.162.913.192</u> | <u>48.241.869.645</u> | <u>3.116.291.822</u> | <u>870.572.639</u> | <u>235.785.950.876</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u><u>440.517.837.577</u></u> | <u><u>15.639.938.964</u></u> | <u><u>25.680.901.601</u></u> | <u><u>3.853.231.785</u></u> | <u><u>31.167.486.712</u></u> | <u><u>516.859.396.639</u></u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u><u>496.189.931.833</u></u> | <u><u>11.794.586.525</u></u> | <u><u>21.202.148.431</u></u> | <u><u>3.034.858.330</u></u> | <u><u>35.112.335.298</u></u> | <u><u>567.333.860.417</u></u> |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 27.436.447.996 VND (31/12/2011: 5.974.670.128 VND).

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tại Xí nghiệp Cát Lái đang chờ thanh lý bán đấu giá sau khi Công ty kết thúc hợp đồng liên doanh với Bộ Tư lệnh Hải Quân vào 31 tháng 8 năm 2012 với giá trị còn lại là 25.017.786.863 VND. Căn cứ theo hợp đồng liên doanh số 58/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991 giữa Bộ Tư lệnh Hải Quân và Công ty thì các tài sản hình thành từ hoạt động hợp tác kinh doanh sau khi thanh lý, trừ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến thanh lý sẽ được chia đều cho hai bên liên doanh.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng VND |
|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 | 257.454.813.680 | 168.000.000 | 257.622.813.680 |
| Mua trong năm | 27.904.461.429 | - | 27.904.461.429 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 285.359.275.109 | 168.000.000 | 285.527.275.109 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 | 311.220.856 | 85.583.335 | 396.804.191 |
| Trích khấu hao trong năm | 71.206.513 | 36.000.004 | 107.206.517 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 382.427.369 | 121.583.339 | 504.010.708 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 284.976.847.740 | 46.416.661 | 285.023.264.401 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 257.143.592.824 | 82.416.665 | 257.226.009.489 |

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Công trình xây dựng cơ bản dở dang | 72.645.405.018 | 56.858.378.706 |
| <i>Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (giai đoạn 2)</i> | 55.341.984.895 | 51.297.699.048 |
| <i>Kho Long An</i> | 4.121.135.113 | 3.437.173.521 |
| <i>Công trình đất ở Ninh Giang (Ninh Bình)</i> | 394.597.046 | 394.596.727 |
| <i>Công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu Thanh Phong (Hà Nam)</i> | - | 329.570.909 |
| <i>Ba cột bơm XD để mở rộng cửa hàng xăng dầu Phú Lý (Hà Nam)</i> | - | 135.545.773 |
| <i>Khu đất Đầm Bà Tài - thành phố Hải Phòng</i> | 674.743.879 | 674.743.879 |
| <i>Kho Phú Định</i> | 3.718.369.513 | 147.800.616 |
| <i>Xí nghiệp An Hải</i> | 3.573.784.500 | - |
| <i>Văn phòng Công ty Cổ phần Cà phê Petec</i> | 3.213.452.782 | - |
| <i>Công trình: Cửa hàng xăng dầu Quảng Thắng thành phố Thanh Hóa</i> | 382.829.703 | 441.248.233 |
| <i>Công trình: Cửa hàng xăng dầu cảng Lễ Môn</i> | 997.507.587 | - |
| <i>Nhà thường trực, đường vào kho</i> | 27.000.000 | - |
| <i>Tích hợp QLHH CHXD</i> | 200.000.000 | - |
| Mua sắm tài sản cố định | 26.273.497.239 | 46.769.908.768 |
| <i>Mua cửa hàng xăng dầu</i> | 26.273.497.239 | 46.634.940.350 |
| <i>Trạm chiết nạp ga Tuyên Quang</i> | - | 43.763.840 |
| <i>Trạm pha chế xăng E5</i> | - | 91.204.578 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 88.856.199 | - |
| <i>Chi phí thi công đường ống nhập</i> | 88.856.199 | - |
| | 99.007.758.456 | 103.628.287.474 |

02-C
H
Y
TƯ H
TE
M
CH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Khác VND | Tổng VND |
|---------------------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012 | 7.985.524.034 | 771.255.889 | 8.756.779.923 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 1/1/2012 | 2.408.266.980 | 417.752.966 | 2.826.019.946 |
| Trích khấu hao trong năm | 802.755.660 | 159.025.976 | 961.781.636 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 3.211.022.640 | 576.778.942 | 3.787.801.582 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 4.774.501.394 | 194.476.947 | 4.968.978.341 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 5.577.257.054 | 353.502.923 | 5.930.759.977 |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vốn điều lệ của các công ty con, tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| | Vốn điều lệ đã đăng ký 31/12/2012 VND | Vốn đã góp 31/12/2012 VND | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % |
|---|--|---------------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec | 26.500.000.000 | 17.507.510.128 | 61,91 | 61,91 |
| Công ty Cổ phần Cà phê Petec | 30.000.000.000 | 24.256.787.384 | 58,75 | 58,75 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec | 25.500.000.000 | 17.827.586.137 | 65 | 65 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long | 10.000.000.000 | 40.000.000.000 | 100 | 100 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu | 38.300.000.000 | 21.191.180.883 | 44,04 | 54,83 |
| | | 120.783.064.532 | | |

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Hoạt động chính |
|--|--|---|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec Công ty Cổ phần Cà phê Petec | Tỉnh Thanh Hóa Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh xăng dầu, ô tô, xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nhiên liệu. Kinh doanh xăng dầu, cà phê |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu | Tỉnh Nam Định Tỉnh Vĩnh Long Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh xăng dầu, kim khí, hóa chất. Kinh doanh kho Kinh doanh bất động sản và xăng dầu |

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 6 năm 2012, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt chuyển nhượng đối Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha - Vĩnh Long, công ty con của Công

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

ty, sang mô hình xí nghiệp xăng dầu hạch toán phụ thuộc Công ty trong 6 tháng cuối năm 2012. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đang trong quá trình làm các thủ tục liên quan đến vấn đề này.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá trị khoản đầu tư gốc | 101.296.193.438 | 103.417.323.900 |
| Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh: | | |
| Các năm trước | 2.296.766.638 | 3.838.686.002 |
| Trong năm | 2.159.886.338 | (1.857.477.631) |
| | 105.752.846.414 | 105.398.532.271 |

Phần kết quả thuần trong năm bao gồm phần sở hữu của Công ty mẹ trong lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|---------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần PETEC Bình Định | Tỉnh Bình Định | 31,54 | 31,54 | Kinh doanh xăng dầu, xi măng |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu | Tỉnh Bạc Liêu | 44,72 | 44,72 | Kinh doanh xăng dầu, bách hóa |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | 27,00 | 27,00 | Kinh doanh xăng dầu, vật tư |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Miền Nam | Thành phố Hồ Chí Minh | 20,00 | 20,00 | Kinh doanh vận tải, kho bãi |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | Tỉnh Bình Dương | 25,06 | 32,40 | Vận chuyển và lưu kho tài liệu |

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Đầu tư chứng khoán | 76.504.680.800 | 106.204.680.800 |
| + Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 59.852.445.800 | 89.552.445.800 |
| + Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn | 4.736.610.000 | 4.736.610.000 |
| + Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu | 11.915.625.000 | 11.915.625.000 |
| Đầu tư góp vốn | 117.030.670.337 | 106.096.639.875 |
| + Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng | 6.495.547.032 | 6.495.547.032 |
| + Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức | 40.873.660.000 | 32.060.760.000 |
| + Công ty Cổ phần Âu Lạc | 29.706.587.314 | 29.706.587.314 |
| + Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình | 1.431.000.000 | 1.431.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Thương Mại và Kỹ thuật đầu tư - Công ty cổ phần | 5.232.969.000 | 5.232.969.000 |
| + Công ty Cổ phần Thương mại Hà Giang | 2.121.130.462 | - |
| + Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tin | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng & Chất đốt Đồng Nai | 1.166.978.529 | 1.166.978.529 |
| + Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 23.002.798.000 | 23.002.798.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 3.000.000.000 |
| | 193.535.351.137 | 215.301.320.675 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (28.412.243.098) | (21.172.200.000) |
| | 165.123.108.039 | 194.129.120.675 |

1001
CH
C
RÁCH
DE
VI
VI-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Hà Giang được chuyển từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết và trình bày vào đầu tư dài hạn khác do tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty chưa đạt tỷ lệ 20%.

Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật đầu tư - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu - một công ty con vào Công ty mẹ.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa | 255.475.203.911 | 282.190.020.720 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 43.427.330.645 | 23.760.378.095 |
| | <u>298.902.534.556</u> | <u>305.950.398.815</u> |

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | Lợi thế thương mại <u>VND</u> |
|--|----------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012 | <u>18.257.854.532</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ Tại ngày 1/1/2012 | 2.440.708.807 |
| Khấu hao trong năm Tại ngày 31/12/2012 | <u>1.825.785.452</u> |
| | <u>4.266.494.259</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI Tại ngày 31/12/2012 | <u>13.991.360.273</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>15.817.145.725</u> |

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 1.959.900.000.000 | 1.394.258.242.492 |
| Ngân hàng TNHH MTV ANZ | - | 92.124.326.800 |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn | - | 74.814.176.000 |
| Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | 988.300.000.000 | 224.561.539.192 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 42.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Quận 10 | 88.921.680.000 | 84.943.658.400 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 174.853.482.000 | 13.850.000.000 |
| Ngân hàng Quốc Tế Thanh Hóa | 2.500.000.000 | - |
| | <u>3.256.475.162.000</u> | <u>1.904.551.942.884</u> |

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0115/KH/11NH ngày 30/05/2011 với hạn mức vay là 1.500.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là đến 31/12/2012 kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất cho vay ưu đãi theo thỏa thuận được thể hiện trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vay ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201101912 ngày 1/4/2011 với hạn mức vay 1.000.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn thêm 1 năm theo phụ lục hợp đồng ký ngày 24/5/2012, lãi suất cho vay của ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thể hiện bằng hình thức tín chấp.

Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 12380001/HĐTĐ ngày 19/4/2012 với hạn mức vay là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương và hợp đồng tín dụng số TD125009 ngày 2/11/2012 với hạn mức vay là 2.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 12380001/HĐTĐ ngày 19/4/2012 được đảm bảo bằng hình thức tín chấp và khoản vay theo hợp đồng tín dụng số TD125009 ngày 2/11/2012 được đảm bảo bằng thế chấp tài sản (đất).

Vay ngân hàng TMCP Đông Á theo hợp đồng tín dụng số H0338/NT ngày 20/6/2012 với hạn mức vay là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng số 161.12.0101.538097.TD.DN ngày 12/4/2012 với hạn mức vay là 50.000.000.000 VND và hợp đồng tín dụng số 577.12.201.1294205.TD ngày 15 tháng 12 năm 2012 với hạn mức vay 15.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 161.12.0101.538097.TD.DN ngày 12/4/2012 được đảm bảo bằng thế chấp tài sản (hàng hóa) và khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 577.12.201.1294205.TD ngày 15 tháng 12 năm 2012 được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Vay ngân hàng Quốc Tế Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 407DN395/VIB.2012 ngày 30/11/2012 với số tiền 2.500.000.000 VND, để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay của Tổng Công ty công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Petrolimex Singapore | - | 156.748.198.082 |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | 909.954.099.631 | 2.344.675.957.419 |
| Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy tại TP.HCM | - | 5.309.548.191 |
| Công ty Cổ phần MCO Việt Nam | 3.194.417.612 | 4.977.173.339 |
| Công ty CP XD & PT Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | 5.175.763.872 | 4.224.163.872 |
| DNTN Sơn Ca - Bình Thuận | 3.392.483.162 | 4.000.000.000 |
| Công ty Cao su Bà Rịa | 6.951.813.120 | - |
| Mercuria Energy Trading Pte Ltd | 64.020.507.332 | - |
| Trần Công Phát | 9.008.654.390 | - |
| Nhà cung cấp khác | 28.405.188.297 | 77.748.594.698 |
| | <u>1.030.102.927.416</u> | <u>2.597.683.635.601</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng | 5.954.486.327 | 6.347.474.526 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 24.463.313.454 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 782.840.720 | 913.131.948 |
| Thuế tài nguyên | 749.421.695 | 75.094.550 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 521.234.370 | 4.094.364.360 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.891.702.005 | 3.941.068.432 |
| Các khoản phí và lệ phí | 42.370.179.617 | 105.212.378.669 |
| | <u>52.269.864.734</u> | <u>145.046.825.939</u> |

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số cuối năm |
|--|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 6.062.755.890 | 120.918.742.684 | (121.033.139.338) | 5.948.359.236 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 24.604.460.402 | 290.435.964.520 | (315.040.424.922) | - |
| Thuế nhập khẩu | 771.985.000 | 85.602.746.335 | (85.591.890.615) | 782.840.720 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | 11.382.143.050 | (11.382.143.050) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.375.666.902 | 3.784.785.247 | (5.752.896.298) | 407.555.851 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.941.068.432 | 6.229.285.226 | (8.278.651.653) | 1.891.702.005 |
| Các loại thuế khác | 872.336.698 | 61.266.415.685 | (57.542.339.288) | 4.596.413.095 |
| Các khoản phí, lệ phí | 104.397.128.669 | 650.522.597.837 | (716.396.538.289) | 38.523.188.217 |
| Tổng cộng | <u>143.025.401.993</u> | <u>1.230.142.680.584</u> | <u>(1.321.018.023.453)</u> | <u>52.150.059.124</u> |

*Trong đó**Thuế và các khoản phải thu Nhà nước* 2.021.423.946

119.805.610

Thuế và các khoản phải trả Nhà nước 145.046.825.939

52.269.864.734

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi vay | 7.137.545.833 | - |
| Cước vận chuyển | 3.126.706.742 | - |
| Phí thuê kho và phí khác | 227.330.387 | - |
| | <u>10.491.582.962</u> | <u>-</u> |

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn | 1.191.068.138 | 1.616.835.371 |
| Bộ tư lệnh Hải Quân | - | 2.499.587.634 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.367.013.022 | 2.367.013.022 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) | 40.680.568.543 | 6.964.780.386 |
| Tiền lương phải trả khác cho cán bộ công nhân viên | 7.603.522.555 | 14.298.735.207 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 200.000.000 | - |
| Công ty CP TMKT và ĐT Công ty CP | 933.734.486 | - |
| Phải trả cổ tức | 195.662.926 | - |
| Phải trả khác | 786.969.609 | 1.731.329.646 |
| | <u>53.958.539.279</u> | <u>29.478.281.266</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) thể hiện khoản vay mượn dầu của Công ty đối với PV OIL. Khoản vay mượn này sẽ được hoàn trả cho PV OIL bằng dầu.

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (QUỸ DỰ TRỮ QUỐC GIA)

Đây là số tiền phải trả tương ứng với giá trị hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước. Giá trị ghi nhận phải trả tương ứng với giá trị hàng tồn kho được trình bày tại Thuyết minh số 9.

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|---|------------------------|--------------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm/giai đoạn | 159.943.667.574 | - |
| Chuyển từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư sang khi cổ phần hóa | - | 160.157.195.645 |
| Hao hụt trong năm/giai đoạn | (213.228.414) | (213.528.071) |
| Số dư cuối năm/giai đoạn | <u>159.730.439.160</u> | <u>159.943.667.574</u> |

25. QUỸ BÌNH ỔN XĂNG DẦU

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|---|--------------------------|--------------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm/giai đoạn | 72.081.275.630 | - |
| Chuyển từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư sang khi cổ phần hóa | - | (103.084.826.510) |
| Trích quỹ trong năm/giai đoạn | 302.488.677.600 | 302.934.409.900 |
| Sử dụng quỹ trong năm/giai đoạn | (501.665.211.640) | (127.768.307.760) |
| Số dư cuối năm/giai đoạn | <u>(127.095.258.410)</u> | <u>72.081.275.630</u> |

Việc trích lập quỹ bình ổn được thực hiện theo quy định tại thông tư 234 /2009/TT-BTC “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu” và các Thông báo số 411/TB-BTC ngày 26/12/2011, Thông báo số 50/TB-BTC ngày 19/01/2012, Thông báo số 143/TB-BTC ngày 07/03/2012, Thông báo số 190/TB-BTC ngày 20/04/2012 về việc điều hành giá và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu. Theo quy định về việc trích và sử dụng quỹ, trong một thời kỳ có thể vừa trích vừa sử dụng quỹ, đồng thời số tiền sử dụng quỹ/lít lớn hơn số trích/lít làm cho quỹ bình ổn bị âm (dư nợ) tại một thời điểm. Do vậy, quỹ bình ổn xăng dầu bị âm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp theo quy định.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Cổ phần**

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|---------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phần | VND | Số cổ phần | VND |
| Được phép phát hành | 260.000.000 | 2.600.000.000.000 | 260.000.000 | 2.600.000.000.000 |
| Đã góp vốn | 248.877.470 | 2.488.774.701.456 | 248.877.470 | 2.488.774.701.456 |
| Chưa góp | 11.122.530 | 111.225.298.544 | 11.122.530 | 111.225.298.544 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn cổ phần chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Dầu tư.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Cổ phiếu

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2011 như sau:

| | Vốn đã góp <u>VND</u> | Tỷ lệ <u>%</u> |
|---|---------------------------------|-------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.353.025.701.456 | 94,55 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đại Dương | 64.792.860.000 | 2,60 |
| Công ty Cổ phần Kho vận PETEC | 5.490.270.000 | 0,22 |
| Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn | 3.388.970.000 | 0,14 |
| Nguyễn Văn Tuấn | 2.990.270.000 | 0,12 |
| Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu | 2.790.920.000 | 0,11 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu | 2.491.890.000 | 0,10 |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhà Rông | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Hải Bình | 1.495.130.000 | 0,06 |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | 1.000.000.000 | 0,04 |
| Cổ đông khác | 45.328.160.000 | 1,82 |
| Tổng cộng | <u>2.488.774.701.456</u> | <u>100</u> |

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lỗi lũy kế VND | Tổng cộng VND |
|--|--------------------------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số dư tại ngày 18/5/2011 | - | - | - | - | - | - |
| Góp vốn trong kỳ | 2.488.774.701.456 | - | 4.520.269.853 | 2.942.494.004 | 30.801.763.572 | 2.527.039.228.885 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | (10.726.220.491) | - | - | - | (10.726.220.491) |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị- XN liên doanh Cát Lái | - | - | - | - | (355.000.000) | (355.000.000) |
| Lợi nhuận chia cho bên liên doanh | - | - | - | - | (6.442.148.705) | (6.442.148.705) |
| Lỗi trong kỳ | - | - | - | - | (104.964.257.493) | (104.964.257.493) |
| Chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | (5.300.000.000) | (5.300.000.000) |
| Trích các quỹ ngoài biểu vốn | - | - | - | - | (602.826.242) | (602.826.242) |
| Điều chỉnh khác | - | - | 6.733.950.000 | - | 4.789.733.801 | 11.523.683.801 |
| Số dư tại ngày 31/12/2011 | 2.488.774.701.456 | (10.726.220.491) | 11.254.219.853 | 2.942.494.004 | (82.072.735.067) | 2.410.172.459.755 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | 10.726.220.491 | - | - | - | 10.726.220.491 |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị | - | - | - | - | (1.057.474.011) | (1.057.474.011) |
| Thưởng ban điều hành | - | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Lỗi trong kỳ | - | - | - | - | (871.343.027.395) | (871.343.027.395) |
| Chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ | - | - | - | - | (5.168.389.066) | (5.168.389.066) |
| Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số | - | - | - | - | (3.773.874.934) | (3.773.874.934) |
| Trích các quỹ | - | - | 4.822.023.277 | 779.812.862 | (11.537.636.139) | (5.935.800.000) |
| Trích các quỹ ngoài biểu vốn | - | - | (2.051.164.226) | (318.360.004) | 4.778.541.729 | 2.409.017.499 |
| Điều chỉnh khác | - | - | - | - | 10.573.059.870 | 10.573.059.870 |
| Số dư tại ngày 31/12/2012 | 2.488.774.701.456 | - | 14.025.078.904 | 3.403.946.862 | (960.101.535.013) | 1.546.102.192.209 |

Căn cứ theo hợp đồng liên doanh số 58/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991 giữa Bộ Tư lệnh Hải Quân và Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec, tài sản tại Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái hình thành từ liên doanh này sẽ thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải Quân. Khi hết thời hạn liên doanh, giá trị tài sản này sẽ được xác định và phân chia 50/50 cho các bên liên doanh và Bộ Tư lệnh Hải Quân được ưu tiên mua lại tài sản này. Tuy nhiên, theo quyết định số 1020/QĐ-DKVN ngày 7/5/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec, tại thời điểm 31/12/2010 giá trị còn lại của tài sản Xí nghiệp Cát Lái là 5.817.154.813 VND đã được Công ty tổ chức định giá xác định lại là tương đương 44.011.244.211 VND. Toàn bộ giá trị tài sản tăng thêm 38.194.089.398 VND do đánh giá đã được ghi tăng nguồn vốn của Công ty (thuộc sở hữu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty, Bộ Tư Lệnh Hải quân và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa thống nhất hướng xử lý khoản chênh lệch tăng thêm này.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu. Hoạt động khác bao gồm xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; Cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); Các hoạt động liên doanh, liên kết về kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan chủ yếu đến hoạt động kinh doanh chính.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Nam và Miền Trung. Hoạt động kinh doanh tổng hợp chủ yếu được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

| | 2012 VND | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND |
|------------|----------------------------------|---------------------------------------|
| Miền Nam | 15.300.925.360.643 | 10.998.891.838.698 |
| Miền Trung | 2.140.607.281.623 | 1.776.471.949.680 |
| Miền Bắc | 4.731.239.906.123 | 5.685.559.963.074 |
| | <u>22.172.772.548.389</u> | <u>18.460.923.751.452</u> |

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

| | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2012 VND | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2012 VND | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2011 VND | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2011 VND |
|------------|---|---|---|---|
| Miền Nam | 4.187.051.257.091 | 17.039.860.689 | 4.886.846.769.879 | 387.742.631.124 |
| Miền Trung | 407.778.410.680 | 6.237.367.297 | 409.401.904.290 | 22.980.265.452 |
| Miền Bắc | 1.466.297.662.379 | 2.933.834.950 | 2.117.546.217.569 | 11.202.656.494 |
| | <u>6.061.127.330.150</u> | <u>26.211.062.936</u> | <u>7.413.794.891.738</u> | <u>421.925.553.070</u> |

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con tại ngày kết thúc niên độ.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vốn điều lệ của các công ty con | 130.300.000.000 | 130.300.000.000 |
| Trong đó: | | |
| Vốn phân bổ cho Công ty | 81.603.660.000 | 81.603.660.000 |
| Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số | <u>48.696.340.000</u> | <u>48.696.340.000</u> |
| Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số | <u>37%</u> | <u>37%</u> |

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tổng tài sản | 510.010.296.626 | 580.002.511.084 |
| Tổng nợ phải trả | <u>(380.688.537.256)</u> | <u>(420.987.255.084)</u> |
| Tài sản thuần | <u>129.321.759.370</u> | <u>159.015.256.000</u> |
| <i>Chi tiết như sau:</i> | | |
| Vốn điều lệ | 130.300.000.000 | 130.300.000.000 |
| Các quỹ khác | 17.980.195.540 | 43.482.531 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | <u>(18.958.436.170)</u> | <u>16.293.414.068</u> |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | <u>48.035.883.546</u> | <u>61.760.366.510</u> |
| <i>Chi tiết như sau:</i> | | |
| Vốn điều lệ | 48.696.340.000 | 48.696.340.000 |
| Các quỹ khác | 7.285.119.774 | 4.936.802.153 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | <u>(7.945.576.228)</u> | <u>8.127.224.357</u> |

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lỗ trong năm | (13.853.825.902) | (8.375.351.375) |
| Lỗ của cổ đông thiểu số | <u>(7.133.090.205)</u> | <u>(3.459.352.293)</u> |

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu | 22.243.414.903.998 | 17.807.314.970.462 |
| Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp | 595.338.061.214 | 645.701.554.616 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 2.789.116.075 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 19.828.968.911 | 7.907.226.374 |
| | <u>22.861.371.050.198</u> | <u>18.460.923.751.452</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (688.598.501.809) | - |
| | <u>22.172.772.548.389</u> | <u>18.460.923.751.452</u> |

Thuế bảo vệ môi trường được Công ty ghi nhận căn cứ theo Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011, có hiệu lực từ ngày 1/1/2012 về việc hướng dẫn thi hành nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 8 tháng 8 năm 2011 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế bảo vệ môi trường.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá vốn của xăng dầu đã bán | 21.575.606.184.374 | 17.266.035.448.517 |
| Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ | 583.107.270.302 | 634.192.538.480 |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 1.436.585.420 | - |
| Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu | 78.006.964.392 | 88.170.262.706 |
| Trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu | (199.176.534.040) | 175.166.102.140 |
| | <u>22.038.980.470.448</u> | <u>18.163.564.351.843</u> |

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 308.795.249.350 | 14.524.648.470 |
| Chi phí nhân công | 155.338.060.754 | 90.358.338.094 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 52.170.058.385 | 25.265.846.195 |
| Chi phí dịch khác | 537.873.730.048 | 123.537.876.357 |
| | <u>1.054.177.098.537</u> | <u>253.686.709.116</u> |

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng bán.

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 6.593.179.464 | 8.282.944.929 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 68.787.897.930 | 8.948.312.130 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 40.278.864 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 6.879.670.154 | 20.695.658.624 |
| | <u>82.301.026.412</u> | <u>37.926.915.683</u> |

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|--|-------------------------------|--------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền vay | 303.641.646.979 | 120.234.498.373 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 25.949.423.754 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 33.563.101.645 | 16.267.231.326 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí khác | 7.419.661.261 | 21.229.688.951 |
| | <u>344.624.409.885</u> | <u>183.680.842.404</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***34. LÃI/(LỖ) KHÁC**

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|---|-------------------------------|--------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 3.021.104.169 | 1.731.891.314 |
| Thu chênh lệch từ đánh giá tài sản góp vốn hoạt động liên doanh | - | 50.556.117 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu được hoàn | 13.795.365.623 | 1.404.899.736 |
| Thu lãi trả chậm, lãi tiền phạt và thu tiền điện | 2.826.401.698 | 444.818.560 |
| Thu được bồi thường | 122.200.000 | 168.868.856 |
| Thu hồi công nợ phải thu khó đòi | 2.714.688.761 | 688.963.372 |
| Dự phòng trợ cấp mất việc | 272.151.938 | - |
| Xử lý công nợ phải trả nhưng không phải trả | 349.319.404 | - |
| Thu khác | 746.111.156 | - |
| Thu nhập khác | <u>23.847.342.749</u> | <u>4.489.997.955</u> |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | (1.526.604.321) | (5.561.310.894) |
| Xử lý chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định nhà văn phòng | - | (541.408.641) |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | (322.361.219) | - |
| Chi phí khác | (1.527.295.362) | (100.686.229) |
| Chi phí khác | <u>(3.376.260.902)</u> | <u>(6.203.405.764)</u> |
| Lãi/ (lỗ) khác | <u>20.471.081.847</u> | <u>(1.713.407.809)</u> |

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2012 | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 |
|---|-----------------------------|--------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lỗ trước thuế | (875.930.032.696) | (108.392.062.963) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | 39.215.169.430 | 22.618.235.945 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 11.173.178.619 | 301.343.232 |
| Lỗ tính thuế | <u>(903.972.023.507)</u> | <u>(130.708.955.676)</u> |
| Thuế suất thông thường | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.918.189.037 | 194.593.632 |
| Giảm trừ thuế | (372.104.133) | (2.346.971) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>2.546.084.904</u> | <u>192.246.661</u> |

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty mẹ và các công ty con là Petromat và Petec Land không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty mẹ và các công ty con này không có thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do các công ty con là Cà phê Petec, Cisco và An Pha Vĩnh Long phát sinh thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ có các khoản lỗ tính thuế là 1.258.700.834.706 VND (năm 2011: 110.268.491.856 VND của giai đoạn từ 18 tháng 5 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2011 và 265.015.681.255 VND của giai đoạn từ 1 tháng 1 năm 2011 đến 18 tháng 5 năm 2011) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty mẹ không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty mẹ sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

| Năm | Các khoản lỗ tính thuế VND |
|------------|---------------------------------------|
| 2016 | 375.284.173.111 |
| 2017 | 883.416.661.595 |
| | 1.258.700.834.706 |

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2012 VND | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND |
|---|--------------------------|---------------------------------------|
| Lỗ trong năm/kỳ | (871.343.027.395) | (104.964.257.493) |
| Lợi nhuận chia cho bên liên doanh hoạt động | - | (6.442.148.705) |
| Lỗ thuộc về cho cổ đông Công ty | - | (111.406.406.198) |
| Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (871.343.027.395) | (111.406.406.198) |
| <u>Số cổ phiếu</u> | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (3.501) | (448) |

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã ký một số hợp đồng cam kết mua máy móc, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất với cho hoạt động trong tương lai như sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Mua cây xăng | 9.605.769.782 | 30.266.271.062 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang | 69.081.558.727 | 1.531.727.273 |
| | 78.687.328.509 | 31.797.998.335 |

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm, Công ty có ký các hợp đồng thuê các kho với Tổng Công ty Dầu Việt Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu An pha Vĩnh Long để bảo quản xăng dầu cũng như dự trữ hàng để bán. Phí thuê kho hàng tháng được tính căn cứ vào số lượng xăng dầu nhập, xuất và tồn nhân với đơn giá 5 VND/lít cho xuất hàng; 16 VND/lít cho tiếp nhận hàng và 20,5 VND/lít cho phí bảo quản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Các khoản vay | 3.257.649.702.000 | 1.904.551.942.884 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (297.846.222.741) | (916.682.563.586) |
| Nợ thuần | 2.959.803.479.259 | 987.869.379.298 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.546.102.192.209 | 2.410.172.459.755 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | <u>1,91</u> | <u>0,41</u> |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 297.846.222.741 | 916.682.563.586 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.039.431.384.654 | 3.380.774.885.970 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 5.564.166.667 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 270.875.954.453 | 299.527.652.946 |
| Ký quỹ | 127.306.605 | 377.120.124 |
| Tổng | <u>2.608.280.868.453</u> | <u>4.602.926.389.293</u> |

Công nợ tài chính

| | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Các khoản vay | 3.257.649.702.000 | 1.904.551.942.884 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.084.061.466.695 | 2.627.161.916.867 |
| Chi phí phải trả | 10.491.582.962 | - |
| Tổng | <u>4.352.202.751.657</u> | <u>4.531.713.859.751</u> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá cả. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

| | Tài sản | | Nợ phải trả | |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | 103.944.997.143 | 141.172.210.709 | 266.195.669.332 | 1.795.481.177.662 |
| Euro (EUR) | 2.724.469.912 | 4.564.798.596 | - | 8.493.658.400 |
| Đô la Singapore (SGD) | 12.379.462 | 7.864.088 | - | - |

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ biến động rủi ro tỷ giá được Ban Tổng Giám đốc xác định là 5%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với VND tăng/giảm 5% thì lỗ trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

| | 2012 | 2011 |
|-----|---------------|----------------|
| | VND | VND |
| USD | 8.112.533.609 | 82.715.448.348 |
| EUR | 136.223.496 | 196.442.990 |
| SGD | 618.973 | 393.204 |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/giảm 65.152.994.040 VND (31/12/2011: 38.091.038.858 VND).

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có, và dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 297.846.222.741 | - | 297.846.222.741 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.036.020.682.938 | 3.410.701.716 | 2.039.431.384.654 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 270.875.954.453 | 270.875.954.453 |
| Ký quỹ | 127.306.605 | - | 127.306.605 |
| | 2.333.994.212.284 | 274.286.656.169 | 2.608.280.868.453 |
| Các khoản vay | 3.256.475.162.000 | 1.174.540.000 | 3.257.649.702.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.084.061.466.695 | - | 1.084.061.466.695 |
| Chi phí phải trả | 10.491.582.962 | - | 10.491.582.962 |
| | 4.351.028.211.657 | 1.174.540.000 | 4.352.202.751.657 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (2.017.033.999.373) | 273.112.116.169 | (1.743.921.883.204) |

500-0
NHÂN
NG T
HIỆM H
OIT T
T NAI
P. HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

| 31/12/2011 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 916.682.563.586 | - | 916.682.563.586 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.371.423.703.098 | 9.351.182.872 | 3.380.774.885.970 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 5.564.166.667 | - | 5.564.166.667 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 299.527.652.946 | 299.527.652.946 |
| Ký quỹ | 377.120.124 | - | 377.120.124 |
| | 4.294.047.553.475 | 308.878.835.818 | 4.602.926.389.293 |
| Các khoản vay | 1.904.551.942.884 | - | 1.904.551.942.884 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.627.161.916.867 | - | 2.627.161.916.867 |
| | 4.531.713.859.751 | - | 4.531.713.859.751 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (237.666.306.276) | 308.878.835.818 | 71.212.529.542 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do một phần khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 40. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | 2012 VND | Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND |
|---|--------------------|---------------------------------------|
| Bán hàng | | |
| Bán hàng và dịch vụ cho Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 213.250.121.414 | 206.271.167.750 |
| Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu | 390.049.546.326 | 250.120.750.668 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | 947.711.790.044 | 678.996.367.000 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | - | 319.357.098.759 |
| Bán hàng cho trong cùng tập đoàn | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) | 179.234.726.144 | 7.774.462.025 |
| Bán hàng và dịch vụ cho Công ty có Petec là cổ đông sáng lập | | |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 862.417.155.216 | 672.440.976.731 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức | 458.765.053.282 | 408.264.092.798 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu COMECO | 471.435.942.487 | 678.513.074.606 |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | 1.078.890.400 | 12.955.926.024 |
| Cty CP Kho vận Petec | 622.400.594.017 | - |
| Công ty Cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai | - | 279.360.100.600 |
| Mua hàng | | |
| Công ty mua hàng hóa từ các Công ty trong cùng tập đoàn | | |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) | 17.192.344.482.974 | 11.023.721.796.523 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) | 410.589.729.421 | 13.260.954.865 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty sử dụng dịch vụ của các Công ty trong cùng tập đoàn**

| | | |
|---|---------------|----------------|
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC) | - | 10.152.379.273 |
| Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam | 1.236.800.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam | 6.870.310.993 | 4.102.560.322 |

Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty có Petec là cổ đông sáng lập

| | | |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rông | 6.908.820.280 | 10.148.192.745 |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | 23.840.188.560 | 31.678.500.240 |

Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty liên kết

| | | |
|---|-------------|-------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải XD Dầu khí Miền Nam | 90.993.829 | - |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 221.049.620 | 111.557.980 |

Vay – Tài chính Dầu khí (PVFC)

| | | |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vay trong kỳ | 620.190.450.998 | 289.890.297.294 |
| Trả nợ vay trong kỳ | 620.190.450.998 | 289.890.297.294 |
| Lãi vay phải trả trong kỳ | 15.213.063.655 | 10.152.379.273 |

Số dư với các bên liên quan:

| | |
|------------|------------|
| 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| <u>VND</u> | <u>VND</u> |

Các khoản phải thu

| | | |
|--|-----------------------|------------------------|
| Công ty liên kết | 49.777.279.916 | 176.592.943.564 |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 6.344.800.000 | 34.999.287.273 |
| Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu | 16.590.323.916 | 38.416.232.291 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | 26.842.156.000 | 103.177.424.000 |

Công ty trong cùng tập đoàn

| | |
|--|----------------------|
| 45.094.031.761 | 4.447.452.871 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - khác | - |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (bán dầu) | 14.541.002 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (vay dầu) | 4.432.911.869 |
| Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam | 1.364.764.200 |

Công ty có Petec là Cổ đông sáng lập

| | |
|--|------------------------|
| 107.349.206.768 | 154.669.479.709 |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 48.608.389.697 |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức | 2.389.479.405 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu COMECO | 24.323.340.111 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | 2.000.000 |
| | 43.133.501.150 |
| | 34.415.476.960 |

Các khoản phải trả

| | | |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty liên kết | 19.296.112 | 36.742.020 |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 19.296.112 | 36.742.020 |

Công ty trong cùng tập đoàn

| | |
|---|--------------------------|
| 950.924.353.845 | 2.353.336.708.303 |
| Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí TPHCM (PVI) | 289.685.671 |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) | 1.695.970.498 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) (vay dầu) | 909.954.099.631 |
| | 2.344.675.957.419 |
| | 40.680.568.543 |
| | 6.964.780.386 |

Công ty có Petec là cổ đông sáng lập

| | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - | 8.984.666.197 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rông | - |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | 1.723.597.525 |
| | 7.261.068.672 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| | | Từ 18/5/2011 |
| | 2012 | đến 31/12/2011 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | <u>7.371.241.000</u> | <u>7.092.300.000</u> |

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Căn cứ vào Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5 tháng 1 năm 2013 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) giai đoạn 2012 - 2015” có đề cập đến vấn đề chuyển phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP cho Tổng công ty Dầu Việt Nam nắm giữ và Nghị quyết số 1524/NQ-DKVN, ngày 6 tháng 3 năm 2013 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công ty cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Tại ngày lập báo cáo này, việc chuyển nhượng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

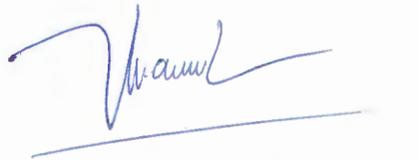
42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

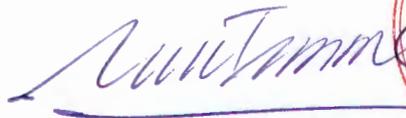
Số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy, số liệu này không so sánh được với số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất trong năm hiện hành.

43. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 22 tháng 3 năm 2013.



Trịnh Thanh Toàn
Người lập biểu



Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2013